

**KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP QUẬN (VÒNG 2)
NĂM HỌC 2018 - 2019**

TT	MÔN	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NƠI SINH	SBD	GHI CHÚ
1	Sinh học	THCS Bạch Đằng	Trịnh Ngọc	Nhi	Nữ	9A1	TP.HCM	21-05-2004	SV24	
2	Sinh học	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Hoài Thanh	Thảo	Nữ	9A1	HẬU GIANG	25-04-2004	SV32	
3	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Phạm Minh	Anh	Nữ	9/6	TP.HCM	19-10-2004	SV05	
4	Sinh học	THCS Lê lợi	Nguyễn Võ Thiên	Ấn	Nữ	9-1	TP.HCM	23-06-2004	SV02	
5	Sinh học	THCS Kiên Thiết	Tô Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	9A2	TP.HCM	18-01-2004	SV07	
6	Sinh học	THCS Colette	Lê Nguyễn Gia	Huy	Nam	93	TP.HCM	12-07-2004	SV10	
7	Sinh học	THCS Bạch Đằng	Trần Ngọc Thiên	Ấn	Nữ	9A3	Đồng Nai	06-11-2004	SV03	
8	Sinh học	THCS Lê lợi	Lê Quỳnh Thu	Ngân	Nữ	9-8	TP.HCM	28-02-2004	SV21	
9	Sinh học	THCS Kiên Thiết	Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	9A2	TP.HCM	04-11-2004	SV22	
10	Sinh học	THCS Kiên Thiết	Tăng Dũng	Cầm	Nam	9A2	TP.HCM	24-08-2004	SV06	
11	Sinh học	THCS Kiên Thiết	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	9A2	Khánh Hòa	13-03-2004	SV28	
12	Sinh học	THCS Lê lợi	Mã Hoàng	Phúc	Nam	9-1	TP.HCM	08-09-2004	SV26	
13	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Lê Anh	Thảo	Nữ	9/9	TP.HCM	04-06-2004	SV31	
14	Sinh học	THCS Lê lợi	Phạm Đoàn Bảo	Khanh	Nữ	9-1	TP.HCM	28-10-2004	SV13	
15	Sinh học	THCS Colette	Đặng Bá	Thành	Nam	91	TP.HCM	05-09-2004	SV30	
16	Sinh học	THCS Bạch Đằng	Hồ Thái	Phúc	Nam	9A2	TP.HCM	23-05-2004	SV25	
17	Sinh học	THCS Lê Quý Đôn	Phan Trần Lâm	Duy	Nam	9_13	Tp HCM	17-05-2004	SV08	
18	Sinh học	THCS Kiên Thiết	Lý Đức	Hiền	Nam	9A2	TP.HCM	11-09-2004	SV09	
19	Sinh học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Hoàng Kim	Khánh	Nữ	9/9	TP.HCM	07-12-2004	SV16	
20	Hóa học	THCS Bàn Cờ	Phạm Trần Minh	Hoàng	Nam	9/2	TP.HCM	25-05-2004	HH15	
21	Hóa học	THCS Bạch Đằng	Trương Bá Tuấn	Sang	Nam	9A3	Lâm Đồng	05-02-2004	HH46	
22	Hóa học	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Đình Hải	Đặng	Nam	9A1	Bình Thuận	19-09-2004	HH10	
23	Hóa học	THCS Colette	Trương Quốc	Anh	Nam	93	TP.HCM	11-01-2004	HH06	
24	Hóa học	THCS Lê Lợi	Lâm Quốc	Bảo	Nam	9-2	Vĩnh Long	22-08-2004	HH08	
25	Hóa học	THCS Lê Lợi	Phạm Trần Quang	Huy	Nam	9-10	TP.HCM	30-11-2004	HH18	
26	Hóa học	THCS Bạch Đằng	Lê Vinh	Khang	Nam	9A3	TP.HCM	20-10-2004	HH21	
27	Hóa học	THCS Hai Bà Trưng	Phùng Khắc	Duy	Nam	9/9	TP.HCM	17-08-2004	HH11	
28	Hóa học	THCS Bạch Đằng	Phạm Thiên	Hương	Nữ	9A2	TP.HCM	11-12-2004	HH16	
29	Hóa học	THCS Hai Bà Trưng	Trần Đỗ Phương	Anh	Nữ	9/9	TP.HCM	17-08-2004	HH05	
30	Hóa học	THCS Colette	Bùi Đỗ Ngọc	Ánh	Nữ	91	TP.HCM	11-10-2004	HH07	
31	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Minh	Phú	Nam	9_02	Tp HCM	23-01-2004	HH41	
32	Hóa học	THCS Đoàn Thị Điểm	Trần Nguyễn Xuân	Yến	Nữ	9A4	Tp HCM	21-01-2004	HH60	
33	Hóa học	THCS Lê Lợi	Bùi Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	9-1	TP.HCM	18-06-2004	HH24	
34	Hóa học	THCS Hai Bà Trưng	Lê Phước Chí	Kiên	Nam	9/2	TP.HCM	03-08-2004	HH26	
35	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Ngô Lê Thảo	Nghi	Nữ	9_07	Tp HCM	01-12-2004	HH36	
36	Hóa học	THCS Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Trung	Tiến	Nam	9A5	Tp HCM	10-01-2004	HH52	
37	Hóa học	THCS Bàn Cờ	Phạm Ngọc Hồng	Vy	Nữ	9/2	TP.HCM	16-08-2004	HH58	
38	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Đình Khánh	Giang	Nữ	9_07	Tp HCM	17-06-2004	HH12	
39	Hóa học	THCS Lê Quý Đôn	Trương Minh	Lân	Nam	9_13	Tp HCM	05-03-2004	HH28	
40	KHTN	THCS Lê Lợi	Trần Ngọc Bảo	Thy	Nữ	9-2	TP.HCM	16-03-2004	KK32	
41	KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Lê Nguyễn Minh	Thư	Nữ	9/9	TP.HCM	09-01-2004	KK30	
42	KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Đoàn Lê Nam	Phương	Nữ	9_02	Tp HCM	11-08-2004	KK27	
43	KHTN	THCS Đoàn Thị Điểm	Võ Lê Đức	Huy	Nam	9A4	Tp HCM	02-01-2004	KK10	
44	KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Cao Bảo	Khôi	Nam	9_01	Tp HCM	04-07-2004	KK12	
45	KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	Nữ	9/9	TP.HCM	13-11-2004	KK21	
46	KHTN	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Thế	Bảo	Nam	9/3	TP.HCM	26-12-2004	KK01	
47	KHTN	THCS Lê Lợi	Huỳnh Tấn	Đạt	Nam	9-4	TP.HCM	23-08-2004	KK02	
48	KHTN	THCS Đoàn Thị Điểm	Trịnh Bảo	Hân	Nữ	9A4	Long An	20-06-2004	KK07	
49	KHTN	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	9/7	TP.HCM	16-09-2004	KK05	
50	KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Lê Quốc	Khánh	Nam	9_01	Tp HCM	19-08-2004	KK11	
51	KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn	Hiền	Nam	9_16	Tp HCM	24-01-2004	KK09	
52	KHTN	THCS Lê Lợi	Phạm Đình Anh	Khôi	Nam	9-4	TP.HCM	18-08-2004	KK14	
53	KHTN	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hà Bình	Minh	Nữ	9_12	Tp HCM	16-08-2004	KK22	
54	KHTN	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Hồ Hải	Nam	Nam	9A2	TP.HCM	23-09-2004	KK23	
55	KHTN	THCS Bàn Cờ	Bùi Thọ Minh	Ký	Nam	9/1	TP.HCM	11-12-2004	KK16	
56	KHTN	THCS Bàn Cờ	Lê Phan Hiếu	Hạnh	Nữ	9/1	TP.HCM	20-10-2004	KK08	
57	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Hoàng Túy	Minh	Nam	9_07	Tp HCM	27-03-2004	TT13	
58	Toán	THCS Lê Lợi	Lã Trọng Thiên	Việt	Nam	9-1	TP.HCM	05-01-2004	TT26	
59	Toán	THCS Colette	Trần Phan Anh	Danh	Nam	91	TP.HCM	01-06-2004	TT06	

TT	MÔN	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NOI SINH	SBD	GHI CHÚ
60	Toán	THCS Hai Bà Trưng	Trần Nguyên	Khang	Nam	9/7	TP.HCM	01-10-2004	TT11	
61	Toán	THCS Đoàn Thị Điểm	Quản Mai Hoàng	Phúc	Nam	9A2	Tp HCM	19-11-2004	TT17	
62	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Tiến	Hưng	Nam	9_07	Tp HCM	09-04-2004	TT10	
63	Toán	THCS Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Công	Toàn	Nam	9A5	Tp HCM	10-01-2004	TT25	
64	Toán	THCS Colette	Lê Quang	Minh	Nam	91	LÀM ĐỒNG	27-09-2004	TT14	
65	Toán	THCS Bạch Đằng	Phan Cảnh Bảo	Duy	Nam	9A1	Q1-TP.HCM	09-11-2004	TT08	
66	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Quang	Phú	Nam	9_07	Tp HCM	18-04-2004	TT16	
67	Toán	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Đức Nam	Anh	Nam	9/6	TP.HCM	23-08-2004	TT01	
68	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Liêu Lin	Đan	Nữ	9_07	Tp HCM	15-01-2004	TT04	
69	Toán	THCS Lê Lợi	Nguyễn Minh	Quân	Nam	9-10	TP.HCM	03-03-2004	TT19	
70	Toán	THCS Lê Lợi	Lê Viết	Tín	Nam	9-10	TP.HCM	25-12-2004	TT24	
71	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Lê Ái	My	Nữ	9_01	Tp.HCM	18-07-2004	TT15	
72	Toán	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Cao	Đạt	Nam	9/2	Long An	27-05-2004	TT07	
73	Toán	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng	Danh	Nam	9_13	Tp HCM	20-03-2004	TT05	
74	Toán	THCS Bạch Đằng	Đoàn Minh	Khanh	Nữ	9A3	Bình Dương	25-11-2004	TT12	
75	Toán	TH, THCS VÀ THPT QT Á CHÂU	Trần Đoàn Minh	Thùy	Nữ	9/21	TP.HCM	03-01-2004	TT23	
76	Toán	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Thị Minh	Phương	Nữ	9A3	TP.HCM	04-09-2004	TT18	
77	Vật lý	THCS Lê Lợi	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	9-1	Hải Phòng	01-03-2004	VL17	
78	Vật lý	THCS Hai Bà Trưng	Đỗ Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	9/7	TP.HCM	16-12-2004	VL27	
79	Vật lý	THCS Bàn Cờ	Ngô Minh	Khôi	Nam	9/2	TP.HCM	14-05-2004	VL16	
80	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Phạm Gia	Bảo	Nam	9_07	Tp HCM	24-02-2004	VL06	
81	Vật lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc	Hiền	Nữ	9/6	TP.HCM	19-01-2004	VL12	
82	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Trọng	Bách	Nam	9_15	Hà Nội	27-11-2004	VL05	
83	Vật lý	THCS Bạch Đằng	Đinh Duy Linh	Đan	Nữ	9A1	Q5-TP.HCM	14-03-2004	VL08	
84	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	9_02	Tp HCM	04-01-2004	VL23	
85	Vật lý	THCS Colette	Trần Huỳnh Minh	Thanh	Nữ	92	TP.HCM	07-02-2004	VL21	
86	Vật lý	THCS Colette	Nguyễn Ngọc Kim	Chung	Nữ	94	HÀ NỘI	27-08-2004	VL07	
87	Vật lý	THCS Đoàn Thị Điểm	Đặng Ngọc	Quyên	Nữ	9A1	Tp HCM	22-02-2004	VL20	
88	Vật lý	THCS Lê Lợi	Nguyễn Minh	Trí	Nam	9-2	TP.HCM	05-02-2004	VL24	
89	Vật lý	THCS Phan Sào Nam	Vũ Phan Hoài	An	Nữ	9A2	TP.HCM	17-08-2004	VL02	
90	Vật lý	THCS Kiến Thiết	Đỗ Vũ Nguyên	Anh	Nữ	9A1	Gia Lai	08-11-2004	VL03	
91	Vật lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Lê Xuân	Thịnh	Nam	9/6	TP.HCM	07-01-2004	VL22	
92	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Hồ Viết	Bách	Nam	9_03	Tp HCM	06-12-2004	VL04	
93	Vật lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Ngọc	Huân	Nam	9_01	Tp HCM	29-07-2004	VL14	
94	Vật lý	TH, THCS VÀ THPT QT Á CHÂU	Phan Nguyễn Hải	Triều	Nam	9/13	TP.HCM	16-09-2004	VL25	
95	Vật lý	THCS Lương Thế Vinh	Nguyễn Thạch Thiên	Phúc	Nam	9/2	TP.HCM	16-03-2004	VL18	
96	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Lê Lan	Anh	Nữ	9_13	Tp HCM	11-07-2004	AV01	
97	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Lương Hoàng Thảo	Nguyên	Nữ	9_07	Tp HCM	19-10-2004	AV18	
98	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Trần Minh	Huy	Nam	9/7	TP.HCM	01-03-2004	AV11	
99	Tiếng Anh	THCS Kiến Thiết	Phùng Nguyễn Bảo	Huy	Nam	9A1	TP. HCM	21-07-2004	AV10	
100	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QT Á CHÂU	Nguyễn Hoàng	Quân	Nữ	9/1	TP.HCM	21-02-2004	AV25	
101	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Lê Trần Quỳnh	Anh	Nữ	9_07	Tp HCM	21-06-2004	AV02	
102	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Khuê Thảo	Anh	Nữ	9/9	TP.HCM	19-02-2004	AV03	
103	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QT Á CHÂU	Trương Anh	Huy	Nam	9/4	TP.HCM	25-11-2004	AV12	
104	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Trần Minh	Nhật	Nam	9_07	Tp HCM	17-09-2004	AV21	
105	Tiếng Anh	THCS Bạch Đằng	Cao Lê Yến	Nhi	Nữ	9A1	Q1-TP.HCM	05-05-2004	AV22	
106	Tiếng Anh	THCS Lê Quý Đôn	Lê Uy	Khiêm	Nam	9_01	Tp HCM	07-07-2004	AV13	
107	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Lê Trường	Giang	Nam	9/7	TP.HCM	17-02-2004	AV07	
108	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QT Á CHÂU	Nguyễn Võ Uyên	Thi	Nữ	9/13	TP.HCM	05-05-2004	AV27	
109	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Lê Khắc	Viện	Nam	9/7	TP.HCM	17-10-2004	AV30	
110	Tiếng Anh	THCS Colette	Thân Trọng Thảo	Nguyên	Nữ	92	Phú Yên	22-07-2004	AV19	
111	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QT Á CHÂU	Đinh Hoàng	Dũng	Nam	9/20	TP.HCM	21-07-2004	AV05	
112	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Đinh Quỳnh	Giang	Nữ	9/9	TP.HCM	22-04-2004	AV06	
113	Tiếng Anh	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	9/7	Đồng Nai	15-07-2004	AV26	
114	Tiếng Anh	THCS Bàn Cờ	Vũ Trần Kiều	Phan	Nữ	9/2	TP.HCM	30-05-2004	AV24	
115	Tiếng Anh	TH, THCS VÀ THPT QT Á CHÂU	Nguyễn Quốc Anh	Thư	Nữ	9/1	TP.HCM	31-05-2004	AV28	
116	Địa lý	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Hoàng	Dung	Nữ	9/5	TP.HCM	09-01-2004	DL05	
117	Địa lý	THCS Bàn Cờ	Lê Triệu Hồng	Ngọc	Nữ	9/5	TP.HCM	04-03-2004	DL15	
118	Địa lý	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Gia	Huy	Nam	9A2	TP.HCM	05-12-2004	DL07	
119	Địa lý	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Thiên	Ân	Nữ	9A6	TP.HCM	28-06-2004	DL01	
120	Địa lý	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Vinh Gia	Bảo	Nam	9A1	Trà Vinh	01-03-2004	DL03	
121	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Đỗ Minh	Thư	Nữ	9/9	TP.HCM	27-07-2004	DL23	
122	Địa lý	THCS Colette	Nguyễn Gia	Nghi	Nữ	95	Q.1-TP.HCM	22-04-2004	DL12	
123	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Lê Minh	Thư	Nữ	9/8	Tây Ninh	04-08-2004	DL24	

TT	MÔN	TRƯỜNG	HỌ LÓT	TÊN	GIỚI TÍNH	LỚP	NGÀY SINH	NOI SINH	SBD	GHI CHÚ
124	Địa lý	THCS Kiến Thiết	Ông Thiên	Phúc	Nữ	9A3	TP.HCM	17-02-2004	DL19	
125	Địa lý	THCS Colette	Trần Lê Khánh	Tường	Nữ	92	TP.HCM	18-01-2004	DL28	
126	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Lê Kim	Ngân	Nữ	9/9	TP.HCM	19-10-2004	DL11	
127	Địa lý	THCS Phan Sào Nam	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	Nữ	9A1	TP.HCM	19-10-2004	DL26	
128	Địa lý	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	9_10	Tp HCM	01-11-2004	DL09	
129	Địa lý	THCS Kiến Thiết	Đỗ Uyên	Khanh	Nữ	9A1	TP. HCM	27-07-2004	DL08	
130	Địa lý	THCS Lê Lợi	Nguyễn Thanh Thiên	Phúc	Nam	9-1	TP.HCM	01-06-2004	DL17	
131	Địa lý	THCS Colette	Bùi Hoàng Anh	Tú	Nam	94	TP.HCM	15-12-2004	DL27	
132	Địa lý	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc	Xuân	Nữ	9/7	TP.HCM	15-08-2004	DL30	
133	Địa lý	THCS Lương Thế Vinh	Võ Lương Giao	Chi	Nữ	9/2	Daklak	03-11-2004	DL04	
134	Công nghệ	THCS Lê Quý Đôn	Trịnh Ngọc Hiếu	Nghĩa	Nam	9_04	TP.HCM	05-02-2004	CN01	
135	Công nghệ	THCS Hai Bà Trưng	Phan Võ Bảo	Hân	Nữ	9/9	TP.HCM	25-08-2004	CN05	
136	Công nghệ	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	9/3	TP.HCM	30-10-2004	CN06	
137	Công nghệ	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Minh	Tuân	Nam	9/6	TP.HCM	14-01-2004	CN07	
138	Công nghệ	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Tuấn Mạnh	Đức	Nam	9/6	Hà Nội	22-02-2004	CN04	
139	Công nghệ	THCS Hai Bà Trưng	Phạm Quốc	Việt	Nam	9/9	TP.HCM	09-03-2004	CN08	
140	Lịch sử	THCS Hai Bà Trưng	Lâm Minh	Quân	Nam	9/7	TP.HCM	06-07-2004	LS16	
141	Lịch sử	THCS Colette	Phạm Đức	Nghị	Nam	95	TP. HCM	12-04-2004	LS04	
142	Lịch sử	THCS Lê Quý Đôn	Huỳnh Minh	Quang	Nam	9_07	Tp HCM	29-12-2004	LS07	
143	Lịch sử	THCS Kiến Thiết	Lý Anh	Quân	Nam	9A5	TPHCM	16-09-2004	LS06	
144	Lịch sử	THCS Kiến Thiết	Hồ Tuấn	Kiệt	Nam	9A1	TP. HCM	13-09-2004	LS03	
145	Lịch sử	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc	Duyên	Nữ	9/9	TP.HCM	25/02/2004	LS13	
146	Lịch sử	THCS Lê Quý Đôn	Trần Võ Minh	Trí	Nam	9_12	Tp HCM	05-08-2004	LS11	
147	Lịch sử	THCS Hai Bà Trưng	Trần Gia	Khánh	Nam	9/7	TP.HCM	24-06-2004	LS14	
148	Lịch sử	THCS Lê Lợi	Lê Thanh	Sang	Nam	9-5	TP.HCM	04-10-2004	LS08	
149	Ngữ văn	THCS Hai Bà Trưng	Đặng Hải Duy	Ân	Nam	9/9	TP.HCM	04-05-2004	VV02	
150	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Lê Hoàng	Nam	Nam	9A2	TP.HCM	20-07-2004	VV10	
151	Ngữ văn	THCS Hai Bà Trưng	Hoàng	Ngọc	Nữ	9/7	TP.HCM	07-07-2004	VV12	
152	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Võ Thị Tố	Nhi	Nữ	9A1	TP.HCM	29-10-2004	VV13	
153	Ngữ văn	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Đan	Vy	Nữ	9/7	TP.HCM	12-07-2004	VV25	
154	Ngữ văn	THCS Colette	Nguyễn Thị Chi	Lan	Nữ	93	TP.HCM	16-10-2004	VV07	
155	Ngữ văn	THCS Lê Lợi	Phạm Thúy	Quỳnh	Nữ	9-2	TP.HCM	08-03-2004	VV15	
156	Ngữ văn	THCS Colette	Trần Thanh	Thanh	Nữ	92	TP.HCM	06-09-2004	VV17	
157	Ngữ văn	THCS Lê Lợi	Nguyễn Hiền	Xuân	Nữ	9-2	TP.HCM	08-03-2004	VV26	
158	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Lai Ngọc Trâm	Anh	Nữ	9_12	TP.HCM	01-06-2004	VV03	
159	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Đan	Dung	Nữ	9_15	TP.HCM	31-03-2004	VV05	
160	Ngữ văn	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	9/7	TP.HCM	08-10-2004	VV06	
161	Ngữ văn	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng Nhật	Tiên	Nữ	9_07	TP.HCM	02-02-2004	VV19	
162	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Lê Minh	Trang	Nữ	9A1	TP.HCM	10-03-2004	VV22	
163	Ngữ văn	THCS Kiến Thiết	Tổng Đặng Khánh	Vinh	Nam	9A2	TP.HCM	25-09-2004	VV24	
164	Ngữ văn	THCS Thăng Long	Trần Ngọc Bảo	Trân	Nữ	9A1	TP.HCM	11-07-2004	VV21	
165	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Trần Thành	Long	Nam	9/8	TP.HCM	25-09-2004	Ti05	
166	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Lương Đăng	Doanh	Nam	9/8	TP.HCM	09-09-2004	Ti01	
167	Tin học	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	Nữ	9_02	Tp.HCM	24-02-2004	Ti02	
168	Tin học	THCS Lê Quý Đôn	Dương Tài	Toàn	Nam	9_01	Tp HCM	20-10-2004	Ti06	
169	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Lâm Tuấn	Kiệt	Nam	9/6	TP.HCM	13-05-2004	Ti04	
170	Tin học	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Gia	Vĩ	Nam	9/9	TP.HCM	09-02-2004	Ti08	
171	TNKH	THCS Lê Quý Đôn	Hà Quỳnh	Anh	Nữ	9_15	TP.HCM	08-04-2004	TN01	
172	TNKH	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	Nữ	9_15	TP.HCM	25-11-2004	TN03	
173	TNKH	THCS Hai Bà Trưng	Kiều Minh	Hùng	Nam	9/6	TP.HCM	16-11-2004	TN05	
174	TNKH	THCS Hai Bà Trưng	Phan Nhật Khánh	Vy	Nữ	9/6	TP.HCM	03-09-2004	TN23	
175	TNKH	THCS Lê Quý Đôn	Phan Ngọc Châu	Anh	Nữ	9_15	TP.HCM	14-01-2004	TN02	
176	TNKH	THCS Lê Quý Đôn	Đặng Lê Ánh	Nhi	Nữ	9_16	TP.HCM	20-11-2004	TN17	
177	TNKH	THCS Colette	Bùi Trâm	Anh	Nữ	91	TP.HCM	12-09-2004	TN01	
178	TNKH	THCS Colette	Trần Thanh Huỳnh	Mai	Nữ	91	TP.HCM	17-12-2004	TN13	
179	TNKH	THCS Lê Quý Đôn	Trương Minh Khánh	Ngọc	Nữ	9_07	TP.HCM	15-03-2004	TN07	
180	TNKH	THCS Lê Quý Đôn	Trần Ngọc Minh	Khánh	Nữ	9_07	TP.HCM	26-03-2004	TN12	

Tổng cộng danh sách có **180** học sinh.

Quận 3, ngày 28 tháng 01 năm 2019

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

(đã ký)

Dương Hữu Nghĩa